

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2011
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG.**
(Kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND
ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m².

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	<u>Thị trấn Thanh Mỹ:</u>	
I.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết dốc Bà Ký (cổng Q.lộ 27)	315
2	-Từ hết dốc Bà Ký (cổng QLô 27) đến Km 184 + 500	1.046
3	-Từ Km 184 + 500 đến hết đất Nhà văn hoá huyện	1.575
4	-Từ hết đất Nhà văn hoá huyện đến hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ	1.870
5	-Từ hết đất trụ sở UBND thị trấn Thanh Mỹ đến hết cổng 5	1.659
6	-Từ hết cổng 5 đến ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng)	1.292
7	-Từ ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng) đến đầu Km 181 + 500	977
8	-Từ đầu Km 181 + 500 đến giáp ranh giới hành chính xã Đa Ròn	630
I.2	Đường nhánh trong Thị trấn Thanh mỹ	
1	-Đường Lê Thị Pha	261
2	-Đường Lý Tự Trọng:	
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện	366
	+Từ hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	265
3	-Đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ giáp QL27 vào đến Kênh thủy lợi)	346
4	-Đường Trần Bình Trọng	331
5	-Đường Nguyễn Chí Thanh:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lý Tự Trọng	366
	+Từ giáp đường Lý Tự Trọng đến hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn	265
	+Từ hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	238
6	-Đường Phan Chu Trinh (từ giáp QL27 vào đến 140m)	347
7	-Đường Phan Bội Châu: Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê thị Hồng Gấm	347
8	-Đường Võ Thị Sáu	507

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
9	-Đường phía tây trụ sở UBND Thị trấn Thanh Mỹ	463
10	-Đường Nguyễn Văn Trỗi:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	557
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến giáp kênh thủy lợi	350
11	-Đường Lê Thị Hồng Gấm	331
12	-Đường Phạm Ngọc Thạch:	
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trung tâm y tế huyện	832
	+Từ hết đất Trung tâm y tế huyện đến giáp Kênh thủy lợi	554
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	449
	+Từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến cầu ông Thiều	265
13	-Đường Chu Văn An: Từ giáp đường Âu Cơ đến chợ Thanh Mỹ	567
14	-Đường Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu	366
15	- Đường Nguyễn Viết Xuân	331
16	-Đường Trần Hưng Đạo	
	- Từ giáp ngã ba đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Âu Cơ	378
	- Từ giáp đường Âu Cơ đến giáp đường Lạc Long Quân	331
17	-Đường Âu Cơ:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Chu Văn An	572
	+Từ giáp đường Chu Văn An đến giáp đường Trần Hưng Đạo	366
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Văn Linh	265
18	-Đường Lê Văn Tám:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	552
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến giáp đường điện 110KW	330
19	-Đường Lương Thế Vinh	366
20	-Đường Lạc Long Quân:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Hưng Đạo	485
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Âu Cơ	265
21	-Đường Huỳnh Thúc Kháng	567
22	-Đường Nguyễn Văn Linh:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Âu Cơ	621
	+Từ giáp đường Âu Cơ đến kênh thủy lợi	311
	+Từ kênh thủy lợi đến giáp đường Phan Đình Giót	261

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
23	-Đường Thế Lữ	313
24	-Đường Trần Phú	
	+ Từ giáp QL27 đến cổng Công an huyện	567
	+ Từ giáp cổng Công an huyện đến giáp suối	330
25	-Đường Bà Huyện Thanh Quan	567
26	-Đường Hoàng Diệu	567
27	-Đường Quang Trung	
	+Từ giáp đường Nguyễn Thái Bình đến hết đoạn đường nhựa	244
	+Từ hết đoạn đường nhựa đến giáp suối	198
28	-Đường Nguyễn Thái Bình	410
29	-Đường Xuân Diệu:	
	+ Từ giáp QL27 đến giáp ngã ba nhà ông Phạm Tấn Đức	523
	+ Từ giáp ngã ba nhà ông Phạm Tấn Đức đến giáp đường Nguyễn Du	229
30	-Đường Nguyễn Du	523
31	-Đường Nguyễn Văn Cừ	410
32	-Đường Phan Đình Phùng: Từ giáp QL27 đến Nhà máy ươm tơ cũ	313
33	-Đường từ tiếp giáp QL 27 đến hết khu hành chính Xí nghiệp Vạn Đức	397
34	-Đường Đinh Tiên Hoàng:	313
	+Từ giáp QL27 đến giáp ngã ba đường đi trường bắn	313
	+Từ giáp ngã ba đường đi trường bắn đến hết đất Công ty Địa Ốc	265
35	-Khu vực chợ Thạnh Mỹ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	529
36	-Các đường qui hoạch phía Tây Nam chợ Thạnh Mỹ	397
37	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng 5m trở lên (Theo các bản đồ QH chi tiết)	331
38	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng từ 3m đến 5m (Theo các bản đồ QH chi tiết)	265
I.3	Các đoạn đường bổ sung	
1	- Hẻm 24 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	275
2	- Hẻm 86 (Từ giáp QL 27 đến giáp suối)	220
3	- Hẻm 194 (Từ giáp QL 27 đến giáp đất nhà dòng Phan xính)	440
4	- Hẻm 205 (Khu quy hoạch thương nghiệp cũ)	495
5	- Hẻm 371 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	308

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	- Hẻm 447 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	330
7	- Hẻm 387 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	319
8	- Từ ngã ba số nhà 10 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trường Tiểu Học Nghĩa Lập 1)	220
9	- Từ ngã ba số nhà 16 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trung Tâm dạy nghề)	198
10	- Đường Phan Đình Giót	275
11	- Đoạn từ giáp QL 27 đến cầu Quảng Lập	550
I.4	Đất tại các khu vực không thuộc điểm I.1, I.2, I.3 Mục I Phần A	183
II	<u>Thị trấn D'ran:</u>	
II.1	Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27 và QL 20	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân đến đầu cầu Lạc Thiện	529
2	-Từ cầu Lạc Thiện đến giáp ngã ba đường rẽ vào xóm Láng	662
3	-Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Láng đến ngã 3 bùng binh thị trấn Dran	1.109
4	-Từ ngã 3 bùng binh Thị trấn Dran đến đầu cầu Dran	1.386
5	-Từ cầu Dran đến đầu ngã 3 đường 412	970
6	-Từ đầu ngã 3 đường 412 đến hết đất Cư xá thủy điện Đa Nhim	582
7	-Từ hết đất cư xá thủy điện Đa Nhim đến đầu cống bể	374
8	- Từ đầu cống bể đến hết đất Trạm kiểm soát Eo Gió	259
9	-Từ hết đất trạm kiểm soát Eo Gió đến giáp ranh giới hành chính tỉnh Ninh Thuận	208
II.2	Đất có một mặt tiền giáp với Quốc lộ 20	
1	-Từ giáp ngã 3 bùng binh QL 27 đi QL 20 đến giáp ngã ba nhà Ông Thanh	347
2	-Từ ngã ba nhà ông Thanh đến giáp ranh giới hành chính Xã Trạm Hành - TP Đà Lạt	208
II.3	Đường nhánh trong Thị trấn D'ran	
1	- Đường Ngô Quyền	1.108
2	- Đường Bà Triệu	
	+ Từ giáp QL 27 đến cống Quảng Lạc	1.058
	+ Từ cống Quảng Lạc đến giáp hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	397
3	- Đường Hai Bà Trưng	926
4	- Đường Nguyễn Trãi	
	+ Từ giáp QL 27 đến ngã tư ông Hậu	1.058

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	+ Từ ngã tư ông Hậu đến đầu cầu khóm 3	555
5	- Đường Chu Văn An (Từ cầu khóm 3 đến hành lang bảo vệ đập ĐaNhim)	357
6	- Đường Lê Văn Sỹ	529
7	- Khu chợ và Khu xung quanh chợ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	1.108
8	-Đường Trần Quốc Toản	
	+ Từ ngã 4 ông hậu đến giáp đường Ngô Quyền	662
	+ Từ đường Ngô Quyền đến giáp đường Bà Triệu	794
9	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Châu (Lạc Quảng)	397
10	- Đường Lê Văn Tám	693
11	- Từ giáp QL 27 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyền)	330
12	- Từ giáp QL 27 đến hết đất công ty Truyền tải điện 4	330
13	- Từ giáp ngã ba đường 412 đến hết đất nhà ông Nguyễn Thuận	275
14	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà ông Nhân	275
15	- Từ ngã ba đất nhà ông Nhân đến giáp đường Hoả Xa	220
II.4	Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến đầu cầu Lam Phương	463
2	-Từ cầu Lam Phương đến giáp ranh hành chính xã Lạc Xuân	273
II.5	Đất tại các Thôn HaMaSin, Thôn KănKin	110
II.6	Đất tại các khu vực không thuộc điểm II.1, II.2, II.3, II.4, II.5 Mục II (Thị trấn D'Dan trên đây)	178

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m².

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	<u>Khu Vực I:</u>	
I	<u>Xã Đa Ròn:</u>	
I.1	Đất có một mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27	
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến đầu cống thủy lợi ngang qua Quốc lộ 27	397

2	-Từ cống thủy lợi ngang qua QL 27 đến cống giữa 2 thôn Suối Thông B và Suối Thông A	477
3	-Từ cống giữa 2 thôn STB và STA đến đầu ngã 3 vào Trường tiểu học Dạ Ròn	397
4	-Từ ngã 3 vào Trường tiểu học Dạ Ròn đến đầu ngã 3 đường vào Thôn I	477
5	-Từ ngã 3 đường vào Thôn I đến cầu Bắc Hội (Ranh giới hành chính H.Đức Trọng)	397
I.2	Đường Liên Thôn, Liên xã	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến cống gác hồ Dạ Ròn	196
2	-Từ giáp ngã 3 Suối Thông B QL 27 đến ngã 4 giáp đất nhà ông Thưởng	225
3	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến đến giáp đường nhựa 413b	156
4	- Từ giáp ngã ba giáp đất Công ty Thụy Hồng Quốc tế thuê đến cầu nông trường (đường nhựa 413b)	231
5	- Khu tái định cư dự án sân golf Dạ Ròn	160
II	<u>Xã Lạc Lâm:</u>	
II.1	Đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến hết đất Công ty DVNN Lâm Đồng	397
2	-Từ hết đất công ty DVNN Lâm Đồng đến đầu cầu Lạc Sơn	725
3	-Từ cầu Lạc sơn đến đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ)	1.109
4	-Từ cống công trình nước sạch (cống máng cũ) đến giáp ngã ba cây xăng ông Thước	1.386
5	-Từ ngã ba cây xăng ông Thước đến giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân	970
II.2	Các đường nối với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Km 187) đến cầu Ka Đô	555
2	-Từ giáp QL 27 đến đầu cống Ông Xừ (Thôn Quỳnh Châu Đông)	397
3	-Từ cống Ông Xừ đến hết đất ông Trần Hạnh (Thôn Lạc Thạnh)	331
4	- Từ giáp QL 27 đến ngã ba nhà Ông Nguyễn Luyến (Thôn Lạc Lâm Làng)	331
5	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến ngã ba nhà ông Trọng (Thôn Lạc Lâm Làng)	275
6	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến hết đất nhà ông Huỳnh Văn Lân (Thôn Lạc Lâm Làng)	275
7	-Từ giáp QL 27 tới hội trường thôn M'Răng	315
8	-Từ giáp QL 27 đến giáp đất bà Chánh (Thôn Yên Khê Hạ)	315
9	- Từ đất nhà bà Chánh đến giáp ngã tư cống vuông	275
10	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn	330
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
11	- Từ giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn đến hết đất nhà bà Tô Phụng Thẩm	198
12	- Từ giáp QL 27 đến hết đất nhà bà Võ Thị Tâm (Thôn Lạc Lâm Làng)	330
13	- Các đường nhánh phía bắc nối với QL 27 đến đường dân cư số 10	416

14	- Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	305
15	- Các đường nhánh đẩy phía bắc tiếp giáp với đường dân cư số 10	277
16	- Các đường nhánh còn lại nối với QL27 vào đến 200m	397
III	<u>Xã Lạc Xuân:</u>	
III.1	Đất có mặt tiền tiếp giáp với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân	970
2	-Từ giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến đầu cống lờ Laboui	397
3	-Từ cống lờ Laboui đến giáp cống chợ mới Lạc Xuân	554
4	-Từ cống chợ mới Lạc Xuân đến giáp ngân ba nhà ông Trương Dừa	732
5	-Từ ngã ba nhà ông Trương Dừa đến giáp ranh giới hành chính thị trấn Dran	435
III.2	Các đường nối với Quốc lộ 27	
1	-Từ QL27 đến cầu Châu Sơn	436
2	-Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412 (Thôn Châu Sơn)	259
3	- Các đường nối với QL 27 vào đến 200m (Thôn Đồng Thạnh, Lạc Viên A,B)	313
4	- Các đường nhánh còn lại nối QL 27 vào 200m	288
III.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường 412	
1	-Từ giáp ranh giới hành chínhThị trấn Dran đến cầu Diom B	273
2	-Từ cầu Diom B đến cầu Tân Hiên	341
IV	<u>Xã Ka Đô:</u>	
IV.1	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 413	
1	-Từ cầu Ka Đô đến giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng lập	670
2	-Từ giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng lập đến ngã 3 UBND Xã Kađô	840
3	-Từ ngã 3 UBND xã Kađô đến đầu ngã 3 Trường Trung học Ka Đô	1.210
4	-Từ ngã 3 Trường Trung học Ka Đô đến giáp ranh giới hành chính xã Quảng Lập	835
IV.2	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 412	
1	-Từ cầu Tân Hiên đến ngã tư dốc lò than	346
2	-Từ ngã tư dốc lò than đến đầu ngã tư Trường Hiệp Đức	625
3	-Từ ngã tư Trường Hiệp Đức đến ngã 3 UBND xã Kađô	838
IV.3	Đường liên xã (đi Pró, Quảng lập)	
1	-Từ ngã 4 Trường Hiệp Đức đến ngã 4 Ông Thành	397
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
2	-Từ ngã 4 Ông Thành đến đầu ngã 3 Ông Gọn	315
3	-Từ ngã 3 Ông Gọn đến giáp nga ba ranh giới hành chính 3 xã	156
4	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã ba đến giáp ranh giới xã Quảng Lập (đường cụm công nghiệp)	385

5	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba chùa) đến giáp ngã tư ông Thành	385
6	- Từ giáp huyện lộ 413 (Cổng văn hoá nghĩa hiệp 2) đến giáp đường Cụm Công Nghiệp	345
7	- Từ giáp huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò Than) đến giáp ngã tư Ông Thành	385
IV.4 Các đường nối với huyện lộ 413		
1	-Phía đông bắc chợ	1.204
2	-Phía tây nam chợ	1.204
3	-Từ nhà ông Dương Thuần đến ngã ba ông Nề (đường cuối chợ)	520
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 ông Giàu) đến đường mới Cụm Công Nghiệp	312
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sinh) đến giáp sinh Thổ Mộ	231
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chính) đến giáp sinh Thổ Mộ	237
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Khuê) đến giáp nhà ông Khiêm	263
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chiến) đến giáp ngã ba nhà ông Đệ	275
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Hùng Chải) đến nhà ông Dẫn Tắc Chấn	263
10	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Đệ) đến giáp đất nhà ông Tuyên	275
11	- Từ huyện lộ 413 (trường Mầm Non) đến ngã ba nhà ông Minh	335
12	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Việt Hùng) đến nhà Ông Bảy Hoà	313
13	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Tính Cộng) đến giáp ngã ba nhà ông Diên	330
14	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Tư Khi	264
15	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Diệu	264
16	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Thành (3 Hiệu)	264
17	- Từ huyện lộ 413 đến giáp Bến Lội (Sáu Khanh)	240
18	- Từ huyện lộ 413 đến giáp đất đình Thanh Minh	263
19	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà ông Đính	326
20	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà Sáu Chu	326
21	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Lê Phu) đến giáp ngã ba nhà ông Đặng Dur	423
22	-Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà Ông Sự	313
23	- Từ huyện lộ 413 (Thánh Thất Cao Đài) đến ngã ba nhà ông Minh rượ	165
24	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Nghiệp) đến giáp đất nhà ông Đệ	165
IV.5 Các đường nối với huyện lộ 412		
1	- Từ huyện lo 412 (ngã ba nhà ông Lịch) đến giáp ngã ba Đài Truyền hình Cũ	263
2	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba nhà ông Chúng) đến giáp nhà ông Bảy Sau	157
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Hương) đến giáp ngã 3 nhà ông ông Phúc	157
4	- Từ đường 412 đến giáp ngã ba đến hết đất nhà ông Viện	165
5	- Từ huyện lộ 412 đến hết đất bà Bình	137
6	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba hội trường Ka Đô cũ) đến giáp ruộng Hma Prong	105
7	- Từ huyện lộ 412 đến giáp suối (đường vào hồ ông Drong Dao)	83

8	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba ông Đới) đến ngã 3 nhà bà Ma Dương	157
9	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Ka Đô mới 2) đến giáp dốc vào đất bà Bình	165
10	- Từ huyện lộ 412 (Ka Đô mới 2 - Ka Đô cũ) đến giáp sinh Đa Đình	110
11	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã ba nhà bà Ma Khô	157
12	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Taly I) đến giáp huyện lộ 412 (nhà bà Lan)	157
13	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà Tư Đáng) đến giáp ngã ba dốc Lò Than	110
14	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư trường Hiệp Đức) đến giáp ngã tư nhà ông Cảnh	385
15	- Từ ngã tư nhà ông Cảnh đến giáp ngã ba nhà ông Hiệp	275
16	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò than) đến giáp dốc Cáp Tùng	157
17	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã tư nhà thờ Ka Đô mới 1	157
18	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà ông Bảo) đến giáp ngã ba nhà ông Ya Boi	110
19	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Ma Kuru) đến ngã ba nhà ông Thái Thành	165
IV.6 Các tuyến đường nông thôn còn lại		
1	- Từ ngã ba đường Liên Thôn (nhà thờ Ka Đô mới 1-Ka Đô mới 2) đến giáp dốc bà Bình	110
2	- Từ ngã ba nhà ông Công đến giáp ngã ba nhà bà Khuyến)	165
3	-Từ nhà ông Vinh đến nhà bà liên Đài	357
4	- Từ ngã ba đất nhà ông Dư Cao đến giáp đất nhà ông Mười Dũng	220
5	- Từ nhà ông Dũng Phở đến ngã ba giáp đất ông Điều	220
6	- Từ ngã ba nhà ông Tài đến giáp ngã ba nhà ông Gọn	220
7	- Từ ngã ba dốc Lò Than (nhà bà Liễu) đến giáp ngã ba ông Dũng Phở	110
8	- Từ ngã ba ông Hiệu đến ngã ba ông Minh	110
9	- Từ ngã ba nhà bà Bảy Chiêu đến hết đất ông Trí	220
10	- Từ ngã ba nhà ông Nhon đến ngã ba nhà bà Giáo (Đình Thanh Minh)	143
11	- Từ ngã ba nhà ông Tâm Nhiên đến giáp ngã ba nhà ông Thành (Ba Hiệu)	143
12	- Từ dốc sáu Khanh đến giáp đất bà Xơ	143
13	- Từ cổng văn hoá thôn Ta Ly 2 đến giáp sinh Ka Zam	137
14	- Từ ngã tư nhà ông Pha Chanh đến giáp đường đi Cáp Tùng	110
15	- Từ ngã ba nhà bà Kỳ đến đồi HaMaRé	105
V Xã Quảng Lập:		
V.1 Đất có mặt tiếp giáp với đường 413		
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	- Từ ranh giới xã Ka Đô qua ngã 3 đầu tiên đi Pró 150m (tới đầu dốc)	529
2	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba) đến giáp ngã 3 Bà Ký	172
3	- Từ đầu dốc đến ngã 3 chợ cũ đi xã Pró	662
4	- Từ ngã 3 chợ cũ đi xã Pró đến đầu ngã 3 Trạm xá xã Quảng Lập	941
5	- Từ ngã 3 Trạm xá Quảng Lập đến đầu cầu sạp	529
6	- Từ cầu sạp đến đầu ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng)	366

7	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba Trường cấp 3 Pró	477
8	- Từ ngã ba Trường cấp 3 Pró đến ngã 4 UBND xã Pró	408
9	- Từ ngã 3 chợ cũ đi xã Pró đến đầu ngã 3 Bà Ký	523
10	- Từ ngã 3 Bà Ký đến giáp ngã 4 UBND xã Pró	408
11	- Từ ngã 3 giáp Trạm xá Quảng Lập đến hết Trường cấp 2 Đình Tiên Hoàng	595
12	- Từ ranh đất Trường cấp 2 Đình Tiên Hoàng đến cầu Quảng Lập	463
V.2	Khu trung tâm chợ cũ	
1	- Đường số 1 (Từ Trạm xá xã đến ngã 4 chợ và giáp đường 413)	529
2	- Từ ngã 4 chợ đến hết Trường mẫu giáo Hoàng Anh	238
3	- Đường số 10 đoạn từ ngã ba 413b (ngã ba nhà ông Hà Dũng) đến giáp đường 413 (ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	176
VI	<u>Xã P'ró:</u>	
VI.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ ngã 3 ranh giới hành chính xã Quảng lập đến giáp ngã ba (hết đất khu quy hoạch)	406
2	- Từ ngã ba (hết đất khu quy hoạch) đến giáp ngã ba ranh giới hành chính xã Ka Đơn	408
VI.2	Các đường nối với đường 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba ranh giới xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba ranh giới ba xã (Pró, QLập, KaĐô)	220
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã tư UBND xã) đến giáp ngã ba (đốc bà Đào)	220
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã tư UBND xã) đến hết đất ông Ya Nho	253
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Cửa) đến giáp ngã ba (hết Trường Tiểu học Pró)	220
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Ya Lin) đến giáp ngã ba (Phân Hiệu Trường Krăng gọ)	220
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba Trường cấp 3 Pró) đến giáp ngã ba (hết đất ông TouProng Cường)	220
VI.3	Khu trung tâm xã	
1	- Các đường trong khu trung tâm có mặt tiếp giáp đường quy hoạch	238
VI.4	Các tuyến đường nông thôn	
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1	- Từ ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (Pró, QLập, KaĐô) đến giáp ngã ba (đốc bà Đào)	165
2	- Từ ngã ba (Số nhà 114 nhà ông Nhịn) đến giáp ngã ba (Nhà đất ông Phiếu)	165
3	- Từ giáp đất ông Ya Nho đến giáp ngã ba Trường Tiểu Học Pró	165
4	- Từ ngã ba trường Tiểu Học Pró đến giáp ngã ba phân hiệu trường Krăng gọ	165
5	- Từ phân hiệu trường Krăng gọ đến giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường	165

6	- Từ giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường đến giáp ngã ba ranh giới 2 xã (Pró - Ka Đơn)	165
VII	<u>Xã Ka Đơn</u>	
VII.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba Trường cấp 3 Pró	429
2	- Từ ngã ba trường cấp 3 Pró đến giáp ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró	429
3	- Từ ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró đến ngã ba đi Hoà lạc	369
4	- Từ ngã ba đi Hoà lạc đến đầu cầu KaĐơn	346
5	- Từ cầu KaĐơn đến hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2)	376
6	- Từ hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2) đến hết đất Chùa Giác Châu	271
7	- Từ hết đất Chùa Giác Châu đến đầu ngã ba vào Thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu)	158
8	- Từ ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu) đến giáp ranh giới hành chính xã Tu Tra	241
VII.2	Các đường nối với huyện lộ 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 rẽ đi Ka Đơn đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 huyện lộ 413 (nhà ông Hào)	154
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đối diện Trường Mầm non) đến ngã ba (hết thửa 383 tờ BĐ 313a)	198
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Trường Mầm non) đến hết thửa 118 tờ BĐ 289e	154
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà bà Cúc) đến ngã ba (giáp thửa 405 tờ BĐ 313a)	220
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Thành) đến ngã ba (hết thửa 245 tờ BĐ 289e)	154
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Khi) đến giáp ngã 3 (hết thửa 521 tờ BĐ 336b)	154
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đi Hoà lạc) đến giáp sông Đa Nhim	94
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 vào thôn Sao Mai nhà ông Bùi Châu) đến giáp ngã ba đường đi thôn Ka Đơn	143
VII.3	Khu Trung tâm xã	
1	- Khu trung tâm xã có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	371
VIII	<u>Xã Tu Tra</u>	
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
VIII.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ giáp ranh giới Ka Đơn đến đầu cầu ông Quý	265
2	- Từ cầu Ông Quý đến cây xăng Lạc Thạnh	416
3	- Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch trung tâm xã	554
4	- Từ hết khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 4 đường vào thôn MaĐanh (ông Sáu)	265
5	- Từ Cây xăng Lạc Thạnh đến đầu ngã 3 đường lên Công ty APOLLO	231
6	- Từ ngã 3 đường lên Công ty APOLLO đến cầu Nông trường bò sữa	241

VIII.2	Khu Trung tâm xã	
1	- Các đường qui hoạch trong khu Trung tâm xã	331
VIII.3	Các đường nối với huyện lộ 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Sao Mai) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Phan Hữu Thạnh)	152
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 cầu ông Quý) đến giáp ngã ba cầu bà Trí	142
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba bà Khánh) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Nguyễn Thạch)	149
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 4 Lạc trường) đến hết nhà đất ông Lê Diên	152
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 4 Lạc trường) đến giáp ngã ba ông Niệm	142
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C) đến ngã ba cầu bà Trí	152
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông trường bò sữa) đến ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	152
8	- Từ Huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông Trường) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phụng	165
VIII.4	Các tuyến đường nông thôn	
1	- Từ ngã ba cầu bà Trí đến cầu Ông Thiều	176
2	- Từ giáp khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 3 đi R'Lom, Ma Đanh	153
3	- Từ ngã ba đường vào Mađanh (nhà ông Sáu) đến giáp ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	149
4	- Từ ngã tư Trường Tiểu học Kămbute đến giáp ngã ba đường vào Công ty NHH Thắng Đạt	131
	Khu vực II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	
1	Xã Đa Ròn	147
2	Xã Lạc Lâm	183
3	Xã Lạc Xuân:	
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	-Phía bắc sông Đa Nhim	168
	-Phía nam sông Đa Nhim	120
4	Xã Ka Đô	158
5	Xã Quảng Lập	158
6	Xã P'Ró	131
7	Xã Ka Đơn	131
8	Xã Tu Tra	136
	Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	

1	Xã Đa Ròn	110
2	Xã Lạc Lâm	126
3	Xã Lạc Xuân:	
	-Phía bắc sông Đa Nhim	125
	-Phía nam sông Đa Nhim	99
4	Xã Ka Đô	105
5	Xã Quảng Lập	105
6	Xã P'Ró	61
7	Xã Ka Đơn	61
8	Xã Tu Tra	61
9	Khu vực Thôn Ya Hoa thuộc Xã Kađô	28
10	Khu vực Thôn Ú Tờ Lâm thuộc Xã Pró	28

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất dòng họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hoá nghệ thuật: Bằng 100% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Bằng 60% giá đất ở cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

3. Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định tại điểm b, khoản 5, điều 6. Nghị định số 181/2004/NĐ – CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp: Bằng 51% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Bằng 30% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất tại vùng lân cận gần nhất.

IV. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- **Khu vực I:** Thị trấn Thanh Mỹ, Dran, Xã Lạc Lâm, phía bắc sông Đanhim của Lạc Xuân:

- **Khu vực II:** Phía nam sông Đanhim của Lạc Xuân; xã Đa Ròn, xã Ka Đô, Xã Quảng Lập:

- **Khu vực III:** Xã P'ró, Ka Đơn, Tu Tra:

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

- **Vị trí 2:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi từ 500m đến 1.000m.

- **Vị trí 3:** Là những vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí lô đất được xác định theo đường đi, lối đi vào đến lô đất,

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	30	24	15
2	Khu vực II	22	18	11
3	Khu vực III	16	12	8

- Bổ sung giá đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm khu vực thôn Ya Hoa và thôn Ú Tờ Lâm (thuộc Xã MaNơi – Huyện Ninh Sơn) nằm trong ranh giới hành chính Xã Kađô và Xã pró: Đơn giá 8.000 đồng/m².

2. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1.5 lần mức giá đất nông nghiệp ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu vực dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu vực dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

3. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 2 lần mức giá đất nông nghiệp ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn ao trong cùng một thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Đất rừng sản xuất.

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực, vị trí	Đơn giá
	Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường Quốc lộ, tỉnh lộ.	8
	Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường Liên huyện, liên xã.	7

Vị trí 3:Là những vị trí còn lại.	5
-----------------------------------	---

5. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí, cùng khu vực.

b) Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí, cùng khu vực.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa